

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 4 - 2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lý.

Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Đặng Thị Bích Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1970. Hiện đang cú trú tại: Franz – Julius – Hoeltz – Str.24 – 06618 Naumburg – Cộng hòa liên bang Đức. Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1968. Địa chỉ. Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/10/2017, lời khai chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Chị và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/1992 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khi các con gần tuổi trưởng thành, thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không thể sống gần nhau nên năm 2017 chị Ch tự làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Đức và đã lâu hai người không quan tâm đến nhau kể cả vật chất

lẫn tinh thần. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Ch yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh H sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Minh Tr sinh năm 1996, hiện các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; Vợ chồng không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do điều kiện đang làm ăn ở nước ngoài không có thời gian để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được nên chị Nguyễn Thị Ch đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Mạnh T trình bày: Anh T thừa nhận, điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Ch đã trình bày. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh H sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Minh Tr sinh năm 1996, hiện các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; Vợ chồng không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Do điều kiện công việc nên anh Nguyễn Mạnh T không thể trực tiếp để hoà giải và tham gia phiên tòa được. Ngày 13/3/2018 và ngày 20/3/2018 anh Nguyễn Mạnh T đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với chị Nguyễn Thị Ch ngày 07/3/2018 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Căn cứ khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ch vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Xét thấy: Chị Nguyễn Thị Ch và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khi các con gần tuổi trưởng thành, thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau.

Vợ chồng không thể sống gần nhau nên năm 2017 chị Ch tự làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Đức và đã lâu hai người không quan tâm đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả anh T và chị Ch đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn và hai người thống nhất ly hôn, nên cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ ly hôn nhau.

- Về con chung: Anh T và chị Ch thống nhất, vợ chồng có hai con chung, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Ch thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; Vợ chồng không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ch và anh Nguyễn Mạnh T.
2. Về con chung: Anh T và chị Ch thống nhất, vợ chồng có hai con chung, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Ch thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau; Vợ chồng không nợ ai cũng không có ai nợ vợ chồng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003780 ngày 07/3/2018.
5. Về quyền kháng cáo:
 - 5.1. Chị Nguyễn Thị Ch đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.
 - 5.2. Anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã D, huyện D, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần